TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H1** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 71/2017/QĐST- HNGĐ	*H1, ngày 03 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 95/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Xuân H, sinh năm 1983
- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T**,** sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Đội 10, thôn TH, xã P, huyện H1, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Xuân H và anh Nguyễn Minh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Xuân H và anh Nguyễn Minh T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con*:* Chị Đỗ Thị Xuân H trực tiếp nuôi dưỡng hai con là cháu Nguyễn Đỗ Minh Q, sinh ngày 02/9/2012 và cháu Nguyễn Đỗ Minh Q1, sinh ngày 17/7/2014, anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đỗ Minh Q và cháu Nguyễn Đỗ Minh Q1 mỗi cháu 1.000.000đồng/ tháng tính từ tháng 11/2017 đến khi cháu Nguyễn Đỗ Minh Q và cháu Nguyễn Đỗ Minh Q1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Nguyễn Minh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì chị Đỗ Thị Xuân H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Xuân H và anh Nguyễn Minh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản: Chị Đỗ Thị Xuân H và anh Nguyễn Minh T đều khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Xuân H tự nguyện thỏa thuận nộp toàn bộ tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 150.000đồng và nộp thay anh Nguyễn Minh T 150.000đồng tiền án phí sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án, tổng cộng chị Đỗ Thị Xuân H phải nộp 300.000đồng, nhưng chị được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000393 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H1.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- VKSND huyện;
- UBND xã T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Trần Thị Thanh Bình